

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2021/DS-ST
Ngày: 02 - 3 - 2021
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng dân
sự (vay tài sản).*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh Thúy.
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:* Ông Nguyễn Tiến Tập
Bà Nguyễn Thị Xuân
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST - DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXDS – ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04 ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1943. Địa chỉ: Tổ 1A, khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nay là tổ 11, khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh); có mặt.

Bị đơn: Anh **Doãn Mạnh H**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 5, khu 3, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1947. Địa chỉ: Tổ 5, khu 3, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (lần thứ 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ của bị đơn anh Doãn Mạnh H) là hàng xóm, có mối quan hệ quen thân với nhau. Vì vậy, mà bà T đã tin tưởng cho anh H vay tiền, việc cho vay được thể hiện trên Giấy biên nhận, viết bằng tay lập

ngày 13/10/2017 với số tiền gốc cho vay là 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng), lãi suất 0,2%/ tháng, thời hạn vay là 01 năm, kể từ ngày nhận tiền (13/10/2017) và có chữ ký của anh Hùng là người vay, còn bà N cũng ký với tư cách là người bảo lãnh cho anh H.

Quá trình vay nợ, anh H đã trả được 20.000.000đồng tiền gốc, còn tiền lãi anh H chỉ trả được mấy tháng đầu. Mặc dù, bà T đôn đốc, nhắc nhở nhưng anh H vẫn không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Cho đến nay, thời gian anh H phải trả nợ đã quá hai năm nên bà T khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 40.000.000đồng, về tiền lãi bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bà N, tại giấy vay tiền có ký xác nhận là người bảo lãnh trong trường hợp anh H không có khả năng trả nợ thì bà N sẽ có trách nhiệm trả thay anh H mỗi tháng 5.000.000đồng nhưng giờ bà N đã già yếu, bệnh tật và anh H hiện vẫn có lương hàng tháng, hoàn toàn có khả năng trả nợ nên bà T không yêu cầu bà Nhung có trách nhiệm với khoản nợ này.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Doãn Mạnh H trình bày:

Bị đơn đã được xem xét, tiếp cận công khai Giấy vay nợ ngày 13/10/2017 mà nguyên đơn bà Phạm Thị T cung cấp cho Tòa án. Anh H thừa nhận toàn bộ các nội dung thể hiện trong giấy vay nợ cũng như nội dung trình bày của nguyên đơn là đúng. Bị đơn thừa nhận đã vay nguyên đơn 60.000.000đồng tiền gốc, đã trả được 20.000.000đồng, số tiền nợ còn lại 40.000.000đồng. Thời hạn vay số tiền này là 01 năm nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bệnh tật nên bị đơn không thể trả một lần theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn chỉ có thể trả mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là để sử dụng, chi tiêu vào việc cá nhân, không sử dụng vào việc của chung của gia đình và trong giấy vay tiền mẹ của bị đơn là bà Nguyễn Thị N có ký bảo lãnh, tuy nhiên hiện nay bà N đã già yếu, lương hàng tháng chỉ đủ thuốc men nên bị đơn đề nghị sẽ tự có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 40.000đồng tiền gốc. Đối với số tiền lãi, bị đơn không nhớ đã trả được bao nhiêu, nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn cũng không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 2017, bà T có cho con trai bà N là anh Doãn Mạnh H vay số tiền 60.000.000đồng, anh H đã trả được 20.000.000đồng, còn 40.000.000đồng còn lại anh H vẫn nợ như bà T đã khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, anh H hiện đang rất khó khăn nên không thể trả một lần như bà T yêu cầu và bà N sẽ có trách nhiệm cùng với anh H trả bà Thu mỗi tháng 2.000.000đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm ý kiến:

- Về pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn và bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa, vi phạm nghĩa vụ đương sự; đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn 40.000.000 đồng và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà Phạm Thị T khởi kiện bị đơn anh Doãn Mạnh H phải trả số tiền nợ là 40.000.000 đồng, xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Doãn Mạnh H, có nơi cư trú tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung khởi kiện của Nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Phạm Thị T cho bị đơn anh Doãn Mạnh H vay tài sản. Việc cho vay được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia đều có đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự nên đây là hợp đồng vay tài sản hợp pháp. Trên giấy cho vay tiền có ghi lãi suất là 0,2%, thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày nhận tiền 13/10/2017. Vì vậy, Tòa án xác định đây hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất. Khi đến thời hạn phải trả, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi lại tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được số tiền nợ gốc mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý với phương án trả nợ toàn bộ số tiền trong một lần như nguyên đơn yêu cầu mà đưa ra đề nghị được trả dần theo tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa nguyên đơn và bị đơn thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn, nguyên đơn (bên cho vay) đã giao cho bị đơn (bên vay) đầy đủ số tiền cần vay như thỏa thuận nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “ *bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Mặc dù, khi giao kết hợp đồng vay tài sản, ngoài nguyên đơn bà Phạm Thị T (bên cho vay) và bị

đơn anh Doãn Mạnh H (bên vay), còn có sự tham gia của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị đơn) có ký xác nhận là người bảo lãnh khoản vay. Quá trình giải quyết vụ án bà N cũng có quan điểm sẽ cùng anh H trả nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không xem xét trách nhiệm người bảo lãnh. Đây là thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, buộc bị đơn anh Doãn Mạnh H phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị T toàn bộ số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Đối với nợ lãi: nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận việc cho vay có lãi suất 0,2%/tháng như thể hiện tại giấy vay tiền ngày 13/10/2017 nhưng nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện và bị đơn không có yêu cầu phản tố về phần nợ lãi nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về nghĩa vụ án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí của Tòa án (ban hành kèm theo nghị quyết), với số tiền là $(5\% \times 40.000.000 \text{ đồng}) = 2.000.000 \text{ đồng}$ (hai triệu đồng).

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự.

- Điều 357 Bộ luật Dân sự và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí (ban hành kèm theo Nghị quyết)

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Buộc bị đơn anh Doãn Mạnh H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Doãn Mạnh H phải chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, thu nộp ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Uông Bí;
- Chi cục THA dân sự tp. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Thuý